

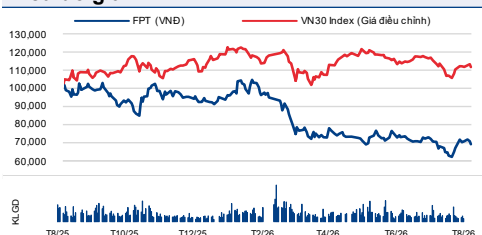
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ94,200
Tiềm năng tăng/giảm: 36.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (13/8/2026)	69,200
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	62,200-104,657
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	70,750
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	117,883
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,521
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,704
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	835
Slg CP NN được mua (tr.đv)	181
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	38.4%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	70,113	57,188	66,082
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,903	9,683	11,529
LNTT (tỷ đồng)	13,044	11,845	13,518
LNT ĐC (tỷ đồng)	9,360	10,581	11,981
FCF (tỷ đồng)	5,038	(4,076)	8,612
EPS ĐC (đồng)	5,205	5,723	6,480
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500
BVPS (đồng)	21,416	25,722	29,702
T.trưởng EBITDA (%)	6.59	(30.4)	19.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.86	9.96	13.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.8	16.9	17.4
Tỷ suất LNTTT (%)	18.6	20.7	20.5
Tỷ suất LNT ĐC (%)	13.4	18.5	18.2
Tỷ lệ LN trả CT (%)	38.4	34.9	38.6
Nợ thuần/VCSH (%)	30.9	13.7	8.84
ROAE (%)	28.3	26.4	25.4
ROACE (%)	26.2	17.6	19.2
EV/doanh thu (lần)	1.83	2.16	1.84
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.24	12.7	10.5
P/E ĐC (lần)	13.3	12.1	10.7
P/B (lần)	3.23	2.69	2.33
Lợi suất cổ tức (%)	2.89	2.89	3.61

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.tttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Chê Thị Mai Trang

Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Tháng 7/2026: Mảng dịch vụ CNTT nước ngoài tăng trưởng tích cực

- Doanh thu thuần/lợi nhuận thuần tháng 7/2026 của FPT lần lượt đạt 4,5 nghìn tỷ đồng (+19% svck)/830 tỷ đồng (+16% svck), sát với kỳ vọng của HSC. Doanh thu tăng mạnh nhờ mảng công nghệ dẫn dắt, với mức tăng trên 20% ghi nhận ở cả hai mảng dịch vụ CNTT nước ngoài và dịch vụ CNTT trong nước.
- Theo đó, doanh thu thuần/lợi nhuận thuần 7 tháng đầu năm 2026 lần lượt đạt 30,8 nghìn tỷ đồng (+14% svck) và 5,9 nghìn tỷ đồng (+14% svck), hoàn thành 54%/56% dự báo cho cả năm 2026 của chúng tôi – sát với dự báo. Doanh thu kỳ mới tăng vọt 32% so với cùng kỳ trong 7 tháng đầu năm 2026 đạt 31,4 nghìn tỷ đồng, nhờ các hợp đồng có giá trị lớn với thời gian triển khai dài.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 2% trong 1 tháng qua, FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,2 lần, thấp hơn nhiều so với bình quân 3 năm ở mức 18,6 lần. Duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 94.200 đồng.

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 7/2026 và 7 tháng đầu năm 2026

FPT công bố KQKD tháng 7/2026 vững chắc và sát với dự báo của HSC, với lợi nhuận thuần tăng 16,1% so với cùng kỳ đạt 830 tỷ đồng trên doanh thu thuần 4.515 tỷ đồng, tăng 19,4% so với cùng kỳ. Chúng tôi thảo luận các nội dung chính ở phần bên dưới.

Doanh thu thuần: Tăng mạnh nhờ động lực từ mảng công nghệ

Động lực tăng trưởng doanh thu trong tháng 7/2026 chủ yếu đến từ mảng công nghệ với mức tăng 21,8% so với cùng kỳ (đạt 4.160 tỷ đồng), qua đó khóa lấp đà tăng trưởng chậm lại chỉ 3% so với cùng kỳ ở mảng giáo dục và các mảng khác. Chi tiết như sau:

- Trong mảng công nghệ, cả dịch vụ CNTT nước ngoài và trong nước đều tăng mạnh trong tháng 7, lần lượt đạt 20,5% so với cùng kỳ và 28,9% so với cùng kỳ, cho thấy đà tăng tốc rõ nét so với mức tăng 13,4% và 22,5% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2026.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 14/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD T7 và 7 tháng đầu năm 2026, FPT

Lợi nhuận thuần T7 tăng 16% so với cùng kỳ lên 830 tỷ đồng, sát dự báo

Tỷ đồng	T7-25	T7-26	svck	svtt	7T25	7T26	svck	% dự báo 2026
Doanh thu	3,781	4,515	19.4%	21.1%	27,107	30,784	13.6%	53.8%
Công nghệ	3,415	4,160	21.8%	23.2%	23,543	27,298	15.9%	53.3%
Toàn cầu	2,872	3,460	20.5%	15.9%	19,541	22,362	14.4%	55.1%
Trong nước	543	700	28.9%	20.5%	4,002	4,936	23.3%	46.3%
Giáo dục, đầu tư & mảng khác	366	355	-3.0%	22.1%	3,564	3,486	-2.2%	58.8%
LNTT	791	945	19.5%	19.9%	5,629	6,659	18.3%	56.2%
Công nghệ	454	572	26.0%	81.2%	3,288	3,886	18.2%	54.8%
Toàn cầu	440	516	17.3%	18.3%	3,121	3,522	12.8%	54.0%
Trong nước	13	56	330.8%	22.5%	167	364	118.0%	64.0%
Giáo dục, đầu tư & mảng khác	337	373	10.7%	22.7%	2,341	2,773	18.5%	58.3%
Lợi nhuận thuần	715	830	16.1%	4.9%	5,147	5,885	14.3%	55.5%

Nguồn: FPT, HSC

- Động lực tăng trưởng chính của phân mảng dịch vụ CNTT nước ngoài đến từ thị trường Nhật Bản với doanh thu bứt phá 30,9% so với cùng kỳ lên 1.712 tỷ đồng (đóng góp 49,4% doanh thu phân mảng). Trong khi đó, các thị trường ngoài Nhật Bản duy trì mức tăng trưởng ổn định 11,7% so với cùng kỳ, mang về 1.748 tỷ đồng (đóng góp 50,6%)..

Tính chung 7 tháng đầu năm 2026, mảng công nghệ giữ vững vai trò động lực tăng trưởng cốt lõi khi doanh thu tăng 15,9% so với cùng kỳ, đạt 27,3 nghìn tỷ đồng. Ngược lại, doanh thu mảng giáo dục và các mảng khác giảm nhẹ 2,2% so với cùng kỳ xuống còn 3,5 nghìn tỷ đồng. Thông tin bổ sung về mảng công nghệ:

- Doanh thu phân mảng dịch vụ CNTT nước ngoài tăng 14,4% so với cùng kỳ (đạt 22,4 nghìn tỷ đồng). Trong đó, doanh thu chuyển đổi số tăng 20,8% so với cùng kỳ đạt 11.127 tỷ đồng (đóng góp 49,8% doanh thu dịch vụ CNTT nước ngoài). Động lực tăng trưởng chính đến từ phân mảng Trí tuệ nhân tạo và Phân tích dữ liệu với mức tăng 54% so với cùng kỳ.
- Xét theo thị trường, Nhật Bản ghi nhận doanh thu 7 tháng đầu năm 2026 tăng 23,9% so với cùng kỳ đạt 10.639 tỷ đồng (đóng góp 47,6% tổng doanh thu dịch vụ CNTT nước ngoài). Trong khi đó, doanh thu thị trường ngoài Nhật Bản tăng khiêm tốn 7,4% so với cùng kỳ đạt 11.723 tỷ đồng, chủ yếu bị kéo lùi bởi đà sụt giảm tại thị trường Châu Á – Thái Bình Dương.
- Doanh thu phân mảng dịch vụ CNTT trong nước tăng mạnh hơn, ở mức 23,3% so với cùng kỳ (đạt 4,9 nghìn tỷ đồng), với động lực tăng trưởng đến từ cả hai khu vực công và tư nhân.
- Doanh thu ký mới trong 7 tháng đầu năm 2026 tăng vọt 32,3% so với cùng kỳ đạt 31,4 nghìn tỷ đồng. Dù vậy, cần lưu ý rằng cơ cấu hợp đồng của FPT đang dịch chuyển mạnh sang các thương vụ quy mô lớn với thời hạn triển khai dài hơn (từ 2 đến 3 năm). Do đó, tốc độ ghi nhận doanh thu từ các dự án đang triển khai không thể được thực hiện trong vòng một năm như trước đây.

LNTT: Tỷ suất LNTT mảng công nghệ mở rộng

LNTT tháng 7/2026 tăng 19,5% so với cùng kỳ đạt 945 tỷ đồng, trong đó LNTT mảng công nghệ tăng mạnh 26% so với cùng kỳ đạt 572 tỷ đồng. Trong khi đó, LNTT mảng giáo dục, đầu tư và mảng khác tăng 10,7% so với cùng kỳ đạt 373 tỷ đồng, nhờ đóng góp lợi nhuận từ các công ty liên kết, đáng chú ý là FPT Telecom (FOX; chưa khuyến nghị; FPT sở hữu 45,66%) và FPT Retail (FRT; Mua vào/Giá mục tiêu: 168.095 đồng; FPT sở hữu 46,54%).

Nhờ đó, tỷ suất LNTT mảng công nghệ cải thiện từ 13,3% trong tháng 7/2025 lên 13,8% trong tháng 7/2026. Động lực chính đến từ sự cải thiện TSLN của phân mảng dịch vụ CNTT trong nước (lên 8% từ 2,4% cùng kỳ), qua đó khóa lấp mức sụt giảm nhẹ ở phân mảng dịch vụ CNTT nước ngoài (từ 15,3% xuống 14,9%). TSLN phân mảng dịch vụ CNTT nước ngoài thu hẹp chủ yếu do chịu tác động từ đà suy yếu của đồng Yên Nhật (JPY), gây áp lực trực tiếp lên tỷ suất sinh lời tại thị trường này.

Duy trì k/n Mua vào, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

Sau khi giá cổ phiếu giảm 2% trong 1 tháng qua, FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,2 lần, thấp hơn nhiều so với bình quân 3 năm ở mức 18,6 lần. Lưu ý, HSC dự báo doanh thu thuần năm 2026 đạt 57,2 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 13% svck) và lợi nhuận thuần 10,6 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 15% svck). Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giữ nguyên giá mục tiêu 94.200 đồng (tiềm năng tăng giá là 36%).

Bảng 2: Tỷ suất lợi nhuận của các mảng kinh doanh, FPT

Tỷ suất LNTT của mảng công nghệ mở rộng trong T7-26

	T7-25	T7-26	So với cùng kỳ (điểm %)	So với tháng trước (điểm %)	7T25	7T26	So với cùng kỳ (điểm %)
Tỷ suất LNTT	20.9%	20.9%	0.0	0.7	20.8%	21.6%	0.9
Công nghệ	13.3%	13.8%	0.5	(0.7)	14.0%	14.2%	0.3
- Toàn cầu	15.3%	14.9%	(0.4)	(0.2)	16.0%	15.7%	(0.2)
- Trong nước	2.4%	8.0%	5.6	(4.1)	4.2%	7.4%	3.2
Giáo dục, đầu tư & mảng khác	92.1%	105.1%	13.0	34.8	65.7%	79.5%	13.9
Tỷ suất lợi nhuận thuần	18.9%	18.4%	(0.5)	0.9	19.0%	19.1%	0.1

Nguồn: FPT

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	62,849	70,113	57,188	66,082	75,685
Lợi nhuận gộp	23,698	25,889	18,431	21,353	24,392
Chi phí BH&QL	(13,190)	(14,900)	(10,109)	(11,480)	(13,037)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	10,508	10,989	8,322	9,873	11,355
Lãi vay thuần	124	1,305	808	695	803
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	393	658	2,629	2,850	3,158
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	44.6	92.0	86.7	100	115
LN TT	11,070	13,044	11,845	13,518	15,431
Chi phí thuế TNDN	(1,642)	(1,811)	(1,288)	(1,560)	(1,862)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,571)	(1,856)	40.0	40.0	40.0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	7,857	9,376	10,596	11,999	13,609
Lợi nhuận thuần ĐC	7,849	9,360	10,581	11,981	13,589
EBITDA ĐC	13,044	13,903	9,683	11,529	13,367
EPS (đồng)	4,917	5,205	5,723	6,480	7,350
EPS ĐC (đồng)	4,296	5,205	5,723	6,480	7,350
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,500	2,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,471	1,704	1,704	1,704	1,704
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,471	1,704	1,704	1,704	1,704
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,471	1,704	1,704	1,704	1,704

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	9,315	10,522	9,474	13,159	16,820
Đầu tư ngắn hạn	21,785	29,631	20,703	24,844	29,812
Phải thu khách hàng	11,382	14,402	14,005	16,183	18,534
Hàng tồn kho	1,857	2,194	1,716	1,982	2,271
Các tài sản ngắn hạn khác	1,197	1,389	1,144	1,322	1,514
Tổng tài sản ngắn hạn	45,536	58,137	47,041	57,489	68,951
TSCĐ hữu hình	15,334	16,964	11,515	12,039	12,489
TSCĐ vô hình	2,040	1,928	1,432	1,360	1,237
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,037	1,157	948	713	450
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,281	3,581	9,176	9,635	10,117
Tài sản dài hạn khác	5,772	6,374	3,290	3,236	3,379
Tổng tài sản dài hạn	26,464	30,005	26,361	26,982	27,671
Tổng cộng tài sản	72,000	88,142	73,402	84,471	96,623
Nợ ngắn hạn	14,446	19,170	13,153	15,199	16,651
Phải trả người bán	4,424	3,837	1,906	2,203	2,523
Nợ ngắn hạn khác	13,105	15,584	8,539	9,868	11,302
Tổng nợ ngắn hạn	34,836	41,525	25,505	29,472	32,998
Nợ dài hạn	501	1,904	1,700	1,700	1,700
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	357	258	284	312	343
Nợ dài hạn khác	315	302	278	321	368
Tổng nợ dài hạn	1,173	2,463	2,261	2,333	2,411
Tổng nợ phải trả	36,272	44,394	28,213	32,296	35,949
Vốn chủ sở hữu	29,794	36,483	43,818	50,598	58,860
Lợi ích cổ đông thiểu số	5,933	7,265	1,372	1,577	1,814
Tổng vốn chủ sở hữu	35,728	43,748	45,189	52,175	60,674
Tổng nợ phải trả và VCSH	72,000	88,142	73,402	84,471	96,623
BVPS (đ)	20,253	21,416	25,722	29,702	34,552
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,632	10,551	5,379	3,740	1,531

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	10,508	10,989	8,322	9,873	11,355
Khấu hao	(2,535)	(2,914)	(1,361)	(1,656)	(2,012)
Lãi vay thuần	124	1,305	808	695	803
Thuế TNDN đã nộp	(1,642)	(1,811)	(1,288)	(1,560)	(1,862)
Thay đổi vốn lưu động	303	(1,249)	(2,734)	(1,774)	(1,916)
Khác	(125)	(2,011)	(25,169)	1,829	1,676
LCT thuần từ HKKD	11,704	10,136	(18,702)	10,718	12,069
Đầu tư TS dài hạn	(3,275)	(5,098)	14,626	(2,106)	(2,338)
Góp vốn & đầu tư	(43,063)	(57,723)	3,333	(4,599)	(5,450)
Thanh lý	36,346	49,196	0	0	0
Khác	1,530	2,001	1,811	1,885	2,189
LCT thuần từ HĐĐT	(8,462)	(11,625)	19,770	(4,821)	(5,600)
Cổ tức trả cho CSH	(3,292)	(4,574)	(3,407)	(4,259)	(4,259)
Thu từ phát hành CP	163	1,196	0	0	0
Tăng/giảm nợ	933	6,180	1,290	2,046	1,452
Khác	(2,31)	(0.99)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(2,198)	2,801	(2,117)	(2,213)	(2,807)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,279	9,315	10,522	9,474	13,159
LCT thuần trong kỳ	1,044	1,313	(1,048)	3,685	3,662
Ảnh hưởng của tỷ giá	(7.92)	(106)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	9,315	10,522	9,474	13,159	16,820
Dòng tiền tự do	8,428	5,038	(4,076)	8,612	9,730

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	37.7	36.9	32.2	32.3	32.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	19.8	16.9	17.4	17.7
Tỷ suất LNT (%)	12.5	13.4	18.5	18.2	18.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.8	13.9	10.9	11.5	12.1
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.4	11.6	(18.4)	15.6	14.5
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	21.5	6.59	(30.4)	19.1	15.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	19.2	13.0	13.2	13.4
Tăng trưởng EPS (%)	5.47	5.86	9.96	13.2	13.4
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.9	21.2	9.96	13.2	13.4
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	25.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	40.7	38.4	34.9	38.6	34.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.7	28.3	26.4	25.4	24.9
ROACE (%)	31.0	26.2	17.6	19.2	19.1
Vòng quay tài sản (lần)	0.95	0.88	0.71	0.84	0.84
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.11	0.92	(2.25)	1.09	1.06
Số ngày tồn kho	17.3	18.1	16.2	16.2	16.2
Số ngày phải thu	106	119	132	132	132
Số ngày phải trả	41.2	31.7	18.0	18.0	18.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	20.8	30.9	13.7	8.84	4.03
Nợ/tài sản (%)	21.5	24.7	21.1	20.9	19.9
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.19	1.57	1.60	1.53	1.44
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.31	1.40	1.84	1.95	2.09
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.71	1.83	2.16	1.84	1.58
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.24	9.24	12.7	10.5	8.93
P/E (lần)	14.1	13.3	12.1	10.7	9.42
P/E ĐC (lần)	16.1	13.3	12.1	10.7	9.42
P/B (lần)	3.42	3.23	2.69	2.33	2.00
Lợi suất cổ tức (%)	2.89	2.89	2.89	3.61	3.61

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gọi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn